

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

Bản án số: 19/2024/HS-ST
Ngày 01 - 4 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Khoa.
2. Ông Hoàng Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tịch - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 15/2024/TLST-HS ngày 29/02/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn D, tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 27/4/1982, tại xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm H, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con ông Nông Văn N, sinh năm 1948 và bà Đàm Thị L, sinh năm 1958; Vợ: Hoàng Thị Y (đã ly hôn); con: có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009;

Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng kể từ ngày 14/10/2023 đến nay. Có mặt.

2. Nông Văn B, tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 07/02/1983, tại xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm Đ, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con ông Nông Văn T (đã chết) và bà Nông Thị T1 (đã chết); Vợ, con: Không có;

Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng kể từ ngày 14/10/2023 đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Nông Văn H1, sinh năm 1978; Địa chỉ: xóm K1, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Nông Văn M; sinh năm 1994; Địa chỉ: xóm K1, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

2. Nông Văn G; sinh năm 1988; Địa chỉ: xóm Đ, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

3. Nông Văn T2; sinh năm 1984; Địa chỉ: xóm K1, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

(Tất cả người làm chứng đều vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 20 phút, ngày 14 tháng 10 năm 2023, Công an xã Chí Viễn chủ trì phối hợp với Công an huyện Trùng Khánh và Đoàn Biên phòng Đàm Thủy làm nhiệm vụ tuần tra đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực ngã ba Kéo Háng, xóm K1, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng thì phát hiện một người đàn ông đứng cạnh xe mô tô có biểu hiện nghi vấn về tội phạm ma túy. Tiến hành kiểm tra, xác định được đối tượng tên là Nông Văn B, sinh năm 1983, trú tại xóm Đ, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Phát hiện tại túi quần trước bên trái B đang mặc có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng, kiểm tra xe mô tô biển kiểm soát 11K1 – 039.47 phát hiện tại giá để đồ phía trước người điều khiển xe có 01 gói nhỏ được gói bằng giấy bạc màu trắng kẹp giữa hai thanh kim loại và yếm nhựa của xe. B khai nhận là ma túy bị thu giữ được 01 (một) người tên D nhà ở xóm H, xã C, huyện K đưa cho để đi bán kiếm lời.

Cùng ngày, lực lượng chức năng khám xét khẩn cấp người, chỗ ở, phương tiện đối với Nông Văn D tại xóm H, xã C, huyện K phát hiện và tạm giữ dưới ga trải giường trong buồng ngủ của D có 01 gói nhỏ được gói bằng giấy bạc màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục D khai nhận là ma túy, loại Heroine; 07 mảnh túi ni lông đã bị xé rách; 03 mảnh giấy bạc màu trắng; 02 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ ngang; 01 con dao bằng kim loại. Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen, màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng và số tiền 600.000 đồng.

Quá trình khám xét chỗ ở Nông Văn B phát hiện, thu giữ: 03 mảnh túi ni lông màu xanh; 02 mảnh giấy trắng có dòng kẻ ngang; 01 mảnh giấy bạc màu trắng.

Ngày 15/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng vật chứng vụ án và trích mẫu gửi giám định số chất bột màu trắng thu giữ, kết quả: Gói chất bột màu trắng bắt quả tang đối với Nông Văn B có khối lượng 0,21 gam; Gói chất bột màu trắng bắt quả tang đối với Nông Văn D có khối lượng 0,15 gam. Tại bản Kết luận giám định số 543/KL-KTHS ngày 24/10/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: “*Mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: **Heroine***”.

Tại Cơ quan điều tra, Nông Văn B khai nhận: Bản thân nghiện ma túy và lệ thuộc vào ma túy, ngày 13/10/2023, B nhận lời đi bán ma túy cho Nông Văn D, địa điểm bán ma túy tại ngã ba K2 thuộc xóm K1, xã C, huyện K mỗi lần bán ma túy cho D thì được trả công 01 gói ma túy để sử dụng tương đương với số tiền 100.000 đồng. B đã bán ma túy giúp D 03 lần, đến lần thứ ba thì bị bắt quả tang. B đã bán ma túy cho những người sau: Bán cho Nông Văn M, sinh năm 1994, trú tại xóm K1, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng 01 lần với số tiền 500.000 đồng; Bán cho Nông Văn T2, sinh năm 1984, trú tại xóm K1, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng 01 lần với số tiền 500.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán ma túy mà có B đã đưa cho D.

Tại Cơ quan điều tra, Nông Văn D khai nhận: Bản thân nghiện ma túy, bị cáo mua bán trái phép chất ma túy từ khoảng tháng 8 năm 2023 đến khi bị bắt. Loại ma túy bị cáo bán là heroine, được gói bằng giấy bạc màu trắng. Địa điểm bán ma túy tại nhà của bị cáo ở xóm H, xã C, huyện K và đoạn đường từ ngã ba K2 thuộc xóm K1, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Ngày 13/10/2023, D đưa ma túy cho Nông Văn B đi bán 02 lần, cho 02 người, thu được số tiền 1.000.000 đồng. Trước khi bị bắt, D được bán ma túy cho nhiều người nhưng chỉ nhớ những người có tên và địa chỉ sau: Bán ma túy cho Nông Văn B 02 lần, thu được số tiền 200.000 đồng; bán ma túy cho Nông Văn G 01 lần, thu được số tiền 500.000 đồng; bán ma túy cho Nông Văn T2 02 lần, thu được số tiền 700.000 đồng; Bán ma túy cho Nông Văn M 01 lần, thu được số tiền 500.000 đồng. Tổng cộng làm rõ được bị cáo bán ma túy 06 lần cho 04 người thu về số tiền 1.900.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo D còn được bán ma túy cho nhiều người khác nhưng không biết tên và địa chỉ.

Về vật chứng và tài sản tạm giữ xác định được: 600.000 đồng là tiền do Nông Văn D bán ma túy mà có; 01 điện thoại của D và 01 điện thoại của B dùng để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy; 10 mảnh túi ni lông, 04 mảnh giấy bạc, 04 mảnh giấy trắng có dòng kẻ ngang, 01 con dao bằng kim loại (loại dao bấm) là công cụ để chia, gói ma túy; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 11K1 – 039.47 là của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Văn H1 cho B mượn, khi B sử dụng chiếc xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội anh H1 không biết.

Tại bản Cáo trạng số: 17/CT-VKSTK ngày 28/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Nông Văn D và Nông Văn B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Hai bị cáo thừa nhận Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi mà mình thực hiện, nhận thức hành vi này là sai, vi phạm pháp luật. Bị cáo B khai: Bản thân nghiện ma túy loại Heroine nên đã giúp sức cho Nông Văn D thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy từ ngày 13/10/2023 đến ngày 14/10/2023. Việc giúp sức bán ma túy, bị cáo được D trả công bằng ma túy để bản thân sử dụng. Nguồn gốc ma túy phát hiện, thu giữ khi bắt quả tang bị cáo được D đưa cho vào ngày 14/10/2023 để bán cho Nông Văn M kiếm lời nhưng chưa bán được thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 11K1 – 039.47 là của anh Nông Văn H1 cho mượn, khi bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội anh H1 không biết. Những vật chứng, tài sản còn lại đang tạm giữ của bị cáo đều liên quan đến hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo Nông Văn D xác nhận những lời khai của bị cáo B là đúng và thừa nhận vào ngày 13/10/2023 đến ngày 14/10/2023 được cung cấp ma túy cho B để bán cho Nông Văn M và Nông Văn T2 mỗi người 01 lần với số tiền 500.000 đồng, thu được số tiền 1.000.000 đồng. Bản thân bị cáo D nghiện ma túy, loại Heroine nên vừa mua để sử dụng và bắt đầu bán kiếm lời từ tháng 8 năm 2023. Thời gian bán ma túy không cố định trong ngày, hình thức giao dịch là những người mua ma túy gọi điện thoại cho D để trao đổi mua ma túy, địa điểm tại nhà của bị cáo và đoạn đường từ ngã ba K2 thuộc xóm K1 đến xóm Đ, xã C. Nguồn gốc ma túy thu giữ là do bị cáo nhờ một người đàn ông không quen biết tại xóm P, xã Đ1 đã nhận tiền để đi mua ma túy cho bị cáo vào ngày 14/10/2023. Ngoài ra, bị cáo còn mua với Nông Đình Q 04 lần từ khoảng thời gian tháng 08/2023 đến tháng 10/2023, lần mua ít nhất với giá tiền 1.200.000 đồng, lần mua ma túy nhiều nhất với giá tiền 2.400.000 đồng. Bị cáo được bán ma túy cho nhiều người, nhưng chỉ nhớ số người, số lần, số tiền như Cáo trạng đã truy tố. Toàn bộ vật chứng, tài sản tạm giữ của bị cáo đều liên quan đến hành vi phạm tội của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Văn H1 trình bày: Anh là anh rể của Nông Văn B và là chủ sở hữu của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đen bạc, có biển kiểm soát 11K1 – 039.47, do B sống một mình không có phương tiện đi lại nên anh đã cho B mượn chiếc xe mô tô trên. Ngày 14/10/2023, B dùng xe này đi thực hiện hành vi phạm tội anh hoàn toàn không biết. Nay đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại xe cho anh.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 17, 38 và 58 Bộ luật hình sự đối với Nông Văn D và Nông Văn B: Xử phạt các bị cáo mức án từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số heroine thu giữ, mẫu vật hoàn lại sau giám định, 10 mảnh túi ni lông, 04 mảnh giấy bạc, 04 mảnh giấy trắng có dòng kẻ ngang, 01 con dao bằng kim loại (loại dao bấm); Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 600.000 đồng; Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo D và 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo B; Trả lại cho anh Nông Văn H1 01 xe máy thu giữ của bị cáo B; Truy thu bị cáo D số tiền 2.300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước; Do các bị cáo nghiện không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Buộc các bị cáo mỗi người chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh phát biểu luận tội, các bị cáo nhất trí không có ý kiến tranh luận. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm, số lần, số tiền mua bán ma túy, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét khẩn cấp và các tài liệu khác có trong hồ sơ nên có cơ sở để kết luận:

Hồi 13 giờ 20 phút ngày 14 tháng 10 năm 2023, tại ngã ba K2 thuộc xóm K1, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng Công an xã Chí Viễn chủ trì phối hợp với Công an huyện Trùng Khánh, Đoàn Biên phòng Đàm Thủy bắt quả tang Nông Văn B về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, vật chứng thu được 0,21 gam ma túy, loại: Heroine; B khai nhận nguồn gốc số ma túy bị bắt quả tang là của B được Nông Văn D đưa để đi bán cho Nông Văn M. Hồi 18 giờ 15 phút cùng ngày, cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở, phương tiện đối

với Nông Văn D có địa chỉ tại xóm H, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng thu giữ 0,15 gam ma túy, loại Heroine. Mục đích hai bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng và bán kiếm lời. Cơ quan chức năng đã làm rõ được Nông Văn D bán ma túy 06 lần cho 04 người, thu được số tiền 1.900.000 đồng; Nông Văn B bán ma túy 02 lần cho 02 người thu được 1.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán ma túy B đã đưa lại cho D, mỗi lần bán ma túy giúp D thì B được trả công bằng 01 gói ma túy để sử dụng tương đương với số tiền 100.000 đồng. Ngoài ra theo bị cáo D khai thì còn được bán ma túy cho nhiều người khác nhưng không biết rõ tên, địa chỉ.

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của cả hai bị cáo đã trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo D và B đều nhận thức việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác tại địa phương, nhưng vì nghiện nên đã bất chấp pháp luật thực hiện với lỗi cố ý, đồng thời khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo D đã bán ma túy nhiều lần, mỗi lần đều cấu thành một tội phạm độc lập nên bị coi là phạm tội 02 lần trở lên, là tình tiết định khung được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Bị cáo B nhận thức được tác hại của ma túy, biết bị cáo D mua bán trái phép chất ma túy đã tích cực giúp D bán ma túy 02 lần, cho 02 người để được D trả công bằng ma túy để sử dụng. Do đó, bị cáo B phạm tội với vai trò đồng phạm với bị cáo D theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Như vậy, hành vi của các bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức án: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình giải quyết vụ án, hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân, các bị cáo là người nghiện ma túy biết sử dụng và bán ma túy trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện nên là người có nhân thân xấu.

Xét tính chất, mức độ tham gia của từng bị cáo thấy rằng: Bị cáo D là người khởi xướng, trực tiếp bỏ tiền để mua ma túy về bán và sử dụng, còn bị cáo B là người trực tiếp giúp D bán ma túy nên các bị cáo là đồng phạm của nhau mang tính chất giản đơn, đều là người thực hành, hành vi của người này tạo điều kiện cho việc thực hiện hành vi của người khác. Xét tính chất, mức độ tham gia và các tình tiết khác của hai bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo D là người có vai

trò cao hơn trong vụ án, bị cáo D là người trực tiếp đi mua ma túy, chia nhỏ và bán lại kiếm lời còn bị cáo B để có ma túy sử dụng đã bất chấp các quy định của pháp luật thực hiện hành vi bán ma túy giúp bị cáo D. Do đó, khi quyết định hình phạt bị cáo D phải chịu hình phạt cao hơn so với bị cáo B. Hội đồng xét xử thấy rằng cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Xét mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về vật chứng và tài sản tạm giữ:

Đối với số Heroine thu giữ, vật mẫu hoàn lại sau giám định thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, 10 mảnh túi ni lông, 04 mảnh giấy bạc, 04 mảnh giấy trắng có dòng kẻ ngang, 01 con dao bằng kim loại (loại dao bấm) là công cụ để chia, gói ma túy nên tịch thu tiêu hủy các vật chứng này. Đối với số tiền 600.000 đồng tạm giữ của bị cáo D liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; 01 điện thoại của B, 01 điện thoại của D dùng để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Chiếc xe máy bị thu giữ bị cáo B là của anh Nông Văn H1, khi B dùng chiếc xe để thực hiện hành vi phạm tội anh Hiệu không biết nên cần trả lại xe cho chủ sở hữu hợp pháp.

[5]. Về truy thu số tiền thu lợi bất chính:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ được bị cáo D bán ma túy 06 lần cho 04 người thu về số tiền 1.900.000 đồng (đã tạm giữ 600.000 đồng). Đối với bị cáo B đã giúp bị cáo D bán ma túy 02 lần cho 02 người thu về số tiền 1.000.000đ, toàn bộ số tiền bán ma túy B đã đưa cho D. Do vậy, cần truy thu đối với bị cáo D số tiền 2.300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Còn bị cáo B giúp bị cáo D bán ma túy, không được hưởng lợi tiền từ việc mua bán trái phép chất ma túy nên không đặt vấn đề truy thu đối với bị cáo B là có căn cứ.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là người sử dụng ma túy, không có công việc thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ.

[7]. Về nguồn gốc ma túy thu giữ: Nông Văn D khai mua với Nông Đình Q, trú tại xóm B1, xã Đ1, huyện K. Tuy nhiên kết quả điều tra không có đủ căn cứ xử lý Nông Đình Q trong vụ án này là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với người đàn ông D khai được nhờ mua ma túy vào ngày 14/10/2023, Cơ quan Điều tra Công an huyện Trùng Khánh đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được người đã bán ma túy cho bị cáo D. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh không có căn cứ điều tra mở rộng vụ án.

[8]. Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nông Văn D và Nông Văn B;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Nông Văn D** và **Nông Văn B** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nông Văn D 07 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 14/10/2023.

- Xử phạt bị cáo Nông Văn B 07 năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 14/10/2023.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: “*Vật chứng vụ Nông Văn B và Nông Văn D – Mua bán trái phép chất ma túy, xảy ra ngày 14/10/2023 tại: xóm K1, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng*”; 01 phong bì thư nguyên niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “*01 dao bằng kim loại (loại dao gấp) thu giữ khi khám xét chỗ ở Nông Văn D ngày 14/10/2023*”; 01 phong bì thư nguyên niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “*03 mảnh túi ni lông màu xanh, 02 mảnh giấy màu trắng và 01 mảnh giấy bạc thu giữ khi khám xét chỗ ở Nông Văn B ngày 14/10/2023*”; 01 phong bì thư nguyên niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “*07 mảnh túi ni lông màu xanh, 02 mảnh giấy có dòng kẻ ngang thu giữ khi khám xét chỗ ở Nông Văn D ngày 14/10/2023*”.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng tạm giữ của Nông Văn D và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng tạm giữ của Nông Văn B.

- Trả lại cho chủ sở hữu anh Nông Văn H1, sinh năm 1978; Địa chỉ: xóm K1, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, xe cũ đã qua sử dụng, biển kiểm soát 11K1 – 039.47 (có chìa khóa kèm theo).

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 600.000 đồng tạm giữ của Nông Văn D.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

4. Truy thu bị cáo Nông Văn D số tiền 2.300.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nông Văn D và Nông Văn B mỗi người phải chịu 200.000đ, tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Phòng hồ sơ – CA tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan THA hình sự;
- Trại giam;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã C(bằng TB);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Án văn, THA hình sự và HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thúy Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thúy Quỳnh

